

## PHỤ LỤC 08

### BIỂU PHÍ DỊCH VỤ THANH TOÁN THẺ QUA POS

STT	Loại phí	Tên hạng mục	Mức phí
1	<b>Phí chiết khấu</b>	Thẻ quốc tế phát hành tại Việt Nam (không bao gồm Thẻ Amex)	1.90%
		Thẻ quốc tế phát hành tại Nước Ngoài	2.85%
		Thẻ Amex phát hành tại Việt Nam	2.85%
		Thẻ ghi nợ nội địa	1.0%
		Thẻ tín dụng nội địa	1.26%
		QRcode	0.88%
2	<b>Phí đặt cọc thiết bị (*)</b>	Phí đặt cọc máy POS	6.500.000 VND/Máy POS
3	<b>Phí sử dụng POS/Phí duy trì phần mềm cài đặt trên máy POS (*)</b>	Phí sử dụng POS/Phí duy trì phần mềm cài đặt trên máy POS	250.000 VND/Tháng/POS <i>Miễn phí nếu doanh số thanh toán trên từng máy POS đạt tối thiểu 15.000.000 VND</i>

#### **Ghi chú:**

- (\*) Chỉ áp dụng với máy POS của đối tác Ngân Lượng, Allix (Sacombank).
- Biểu phí trên đã bao gồm 10% VAT.
- Biểu phí có thể thay đổi theo quy định của VAB trong từng thời kỳ.
- Phí chiết khấu: Là mức phí đơn vị chấp nhận thẻ (ĐVCNT)/đơn vị chấp nhận thanh toán (ĐVCNTT) phải thanh toán cho VAB căn cứ theo hợp đồng cung cấp dịch vụ thanh toán thẻ đã ký giữa VAB với ĐVCNT/ĐVCNTT và Đối tác (nếu có).
- Phí đặt cọc thiết bị và Phí sử dụng POS/Phí duy trì phần mềm cài đặt trên máy POS được quy định cụ thể tại Hợp đồng cung cấp dịch vụ của ĐVCNT/ĐVCNTT ký với VAB và Đối tác (nếu có).
- Các phí nằm ngoài danh mục phí theo biểu phí thì VAB tự thỏa thuận bằng hình thức cụ thể với khách hàng để thu phí trên cơ sở cung cầu thị trường. Mức phí thỏa thuận sẽ được Ghi cụ thể trong giấy nộp tiền/ủy nhiệm chi hoặc các chứng từ tương đương khác.